

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THƯỜNG XUÂN
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 11/2022/HNGĐ - ST
Ngày 08 tháng 11 năm 2022

V/v: “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình,
ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THƯỜNG XUÂN, TỈNH THANH HÓA**

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Tâm

Các hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Thanh và bà Lê Thị Liên

Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Ánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Vân - Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 11 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 54/2022/TLST- HNGĐ ngày 05/5/2022 về việc: “*Tranh chấp về Hôn nhân và gia đình, ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐST-HNGĐ ngày 26/9/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số: 07/2022/QĐST- HNGĐ ngày 19/10/2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Vi Thị T, sinh năm: 1991

Nơi ĐKKHKT: Thôn G, xã XC, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa

Chỗ ở hiện nay: Thôn PC, xã XL , huyện TX, tỉnh Thanh Hóa (*có đơn đề nghị xét xử vắng mặt*).

+ Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn chị Vi Thị T:

Bà: Lê Thị Lượng – Trợ giúp viên pháp lý - thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa (*có đơn xin xét xử vắng mặt*).

2. Bị đơn: Anh Vi Văn H, sinh năm: 1988

Địa chỉ: Thôn G, xã XC, huyện TX, tỉnh Thanh Hóa (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 01/02/2022, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Vi Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Vi Thị T và anh Vi Văn H chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán của địa phương vào năm 2010, đến ngày 02/4/2010, hai vợ chồng đến Ủy ban nhân dân xã Xuân Chinh để làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh

H ham chơi không chịu khó làm ăn, chơi cờ bạc, uống rượu dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi cọ nhau, thời gian đầu vợ chồng đều đi làm ăn, ở cùng nhau nhưng khác công ty, khi về nhà thì luôn bất hòa, sau đó mỗi người bỏ đi làm ăn một nơi, anh H còn thuê người tìm chị đánh. Gia đình hai bên nội, ngoại cũng đã gọi vợ chồng về khuyên giải nhưng không có kết quả. Vợ chồng sống ly thân nhau từ tháng 10/2021 đến nay, chị T đã về ở với bố mẹ đẻ, thi thoảng chị T về thăm con không ai quan tâm đến ai nữa, mỗi người tự lo cho cuộc sống riêng của mình. Nay xét thấy tình cảm không còn, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị T đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với Vi Văn H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung cháu Vi Thị Huyền L, sinh ngày: 05/5/2011 và cháu Vi Quang H, sinh ngày: 25/01/2018. Vợ chồng ly thân cháu L ở với chị Tiệp, cháu H ở với anh H, khi ly hôn chị T xin được nuôi cả 02 (hai) cháu và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản; công nợ: Chị Vi Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Quan điểm người bảo vệ quyền lợi và ích hợp pháp của chị Vi Thị T cho rằng:

Về hôn nhân: Chị T và anh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên nảy sinh nhiều mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, cuộc sống hôn nhân không đạt được nên chị T mong muốn được ly hôn với anh H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung cháu Vi Thị Huyền L, sinh ngày: 05/5/2011 và cháu Vi Quang H, sinh ngày: 25/01/2018. Hiện nay cháu Vi Thị H ở với chị T, nguyện vọng của cháu L cũng muốn được ở với mẹ. Cháu Vi Quang H đang còn nhỏ đang ở với ông bà nội, do anh Hồng đi làm ăn giao phó lại cho ông, bà nội chăm sóc. Chị T đã có việc làm thu nhập và chỗ ở ổn định nuôi con khôn lớn. Đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51, 56 Luật HNGĐ cho chị T được ly hôn anh H, đồng thời giao cả hai cháu Vi Thị Huyền L và Vi Quang H cho chị Vi Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản; công nợ: Chị T không yêu cầu nên không xem xét.

Tại các Biên bản xác minh ngày 22/6/2022 và ngày 09/9/2022 thể hiện: Hiện nay anh Vi Văn H đang có hộ khẩu thường trú tại thôn G, xã XC, huyện TX, hiện đang đi làm ở Bắc Ninh. Ông Vi Văn P bố đẻ anh Vi Văn H cho biết, anh H, chị T đi làm ăn cùng nhau từ năm 2018 đến năm 2020, vợ chồng các con vẫn thường xuyên về thăm gia đình. Ông không biết mâu thuẫn giữa chị T và anh H, chị T làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn, ông có nhận các thủ tục của Tòa án giao, ông đã thông báo cho anh H biết việc chị T làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, tranh chấp về nuôi con, nhưng anh H bận công việc không về được, ông đề nghị Tòa án hòa giải cho vợ chồng đoàn tụ, chăm sóc các cháu.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân phát biểu quan điểm như sau:

Về thủ tục tố tụng: Về việc tuân theo tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của đương sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ ngày thụ lý cho đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã chấp hành đúng theo luật định.

Về nội dung vụ án:

Về hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị T được ly hôn Vi Văn H.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung cháu Vi Thị Huyền L, sinh ngày: 05/5/2011 và cháu Vi Quang H, sinh ngày: 25/01/2018. Hiện chị T đang nuôi cháu Ly, cháu L có nguyện vọng ở với chị T, còn cháu H đang còn nhỏ. Quá trình giải quyết vụ án anh H không có ý kiến gì về việc yêu cầu ly hôn, nuôi con. Chị T xin nuôi cả hai cháu nên đề nghị HĐXX căn cứ Điều 81,82,83 Luật hôn nhân và gia đình giao cả 02 (hai) cháu Vi Thị Huyền L và Vi Quang H cho chị T nuôi dưỡng, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản; công nợ: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên Tòa chị Vi Thị T vẫn gửi nguyên yêu cầu của mình, vắng mặt anh Vi Văn H, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết nhiều lần các loại giấy tờ tố tụng theo quy định của pháp luật, tại trụ sở UBND xã Xuân Chinh, huyện Thường Xuân, nơi cư trú của anh Hồng nhưng anh H vẫn vắng mặt không có lý do tại các buổi làm việc. Tòa án đã lập biên bản về việc đương sự vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định.

[1]. *Về thủ tục tố tụng:* Chị Vi Thị T có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân yêu cầu ly hôn với anh Vi Văn H. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án nhân dân huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa giải quyết vụ án đúng thẩm quyền.

[2]. *Về hôn nhân:* Chị Vi Thị T và anh Vi Văn H, kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn đúng theo quy định của pháp luật, đủ cơ sở xác định đây là hôn nhân hợp pháp. Xét nguyện vọng xin ly hôn của chị T là có cơ sở, mâu thuẫn giữa vợ chồng kéo dài, nguyên nhân là do anh H hay uống rượu về chửi bới, đánh đập chị T, anh H không lo làm ăn, vợ chồng luôn bất đồng quan điểm sống. Hai bên gia đình nội, ngoại, đã khuyên giải nhiều lần, nhưng vợ chồng vẫn không tìm được tiếng nói chung. Tòa án xác minh trực tiếp với chính quyền địa phương và ông Vi Văn P bố đẻ anh H. Chị T và anh H đã sống ly thân từ tháng 10/2021 đến nay, trong thời gian ly thân không ai còn quan tâm, hàn gắn, hạnh phúc gia đình, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được, như vậy xác định mâu thuẫn vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng. HĐXX, căn cứ vào

khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T.

[3]. *Về con chung*: Chị Vi Thị T và anh Vi Văn H có 02 (hai) con chung cháu Vi Thị Huyền L, sinh ngày: 05/5/2011 và cháu Vi Quang H, sinh ngày: 25/01/2018. Căn cứ vào giấy khai sinh, sổ hộ khẩu mang tên Vi Văn H đủ cơ sở xác định cháu Vi Thị Huyền Ly và cháu Vi Quang H là con chung của chị Vi Thị T và anh Vi Văn H.

Xét nguyện vọng xin nuôi con của chị Vi Thị T, Hội đồng xét xử thấy rằng: Nguyên vọng xin nuôi cả 02 (hai) con của chị là hoàn toàn chính đáng. Vợ chồng ly thân cháu L ở với chị T, cháu L có nguyện vọng ở với chị T, cháu H đang ở với anh H nhưng anh H đi làm cháu ở với ông, bà nội. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa anh H đều vắng mặt, anh không ý kiến gì về yêu cầu ly hôn và nuôi con. Hiện nay anh H đi làm ăn xa, không có mặt tại địa phương. Để bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho chị T, cũng như quyền lợi của con chưa thành niên. Các cháu đang trong độ tuổi đi học, do đó rất cần sự quan tâm chăm sóc, ăn học cho các cháu. Chị T cung cấp giấy xác nhận thu nhập, hàng tháng thu nhập từ 7.000.000đồng đến 9.000.000đồng. Vợ chồng ly thân chị T về ở với bố, mẹ đẻ, được bố mẹ đẻ cho chị phòng riêng để mẹ con ở và chị sinh hoạt. Vì vậy, căn cứ Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật HN&GD, giao cả 02 (hai) cháu Vi Thị Huyền L và Vi Quang H cho chị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng là phù hợp. Chị T không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con chung, nhưng anh H có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

[4]. *Về tài sản; công nợ*: Chị Vi Thị T không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Tại phiên tòa quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thường Xuân phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

[6]. Xét đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho chị Vi Thị T, phù hợp với quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Tại phiên tòa nguyên đơn chị Vi Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Vi Văn H đã vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Như vậy anh Hồng đã từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình, anh không có yêu cầu gì nên Hội đồng xét xử không xem xét. Tòa án căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 BLTTDS để giải quyết vắng mặt chị Vi Thị T và anh Vi Văn H là phù hợp quy định của pháp luật.

[5]. *Về án phí*: Chị Vi Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35; Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Hôn nhân và gia đình; Điều 5; Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định “*Về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án*”.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Vi Thị T.

- *Về hôn nhân:* Chị Vi Thị T được ly hôn anh Vi Văn H

- *Về con chung:* Giao cả 02 (hai) cháu Vi Thị Huyền L, sinh ngày: 05/5/2011 và cháu Vi Quang H, sinh ngày: 25/01/2018 cho chị Vi Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng. Anh Vi Văn H không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh Vi Văn H có quyền thăm nom con mà không ai được cản trở.

- *Về tài sản; công nợ:* Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về án phí:* Chị Vi Thị T phải chịu 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí chị T đã nộp theo biên lai số: 0015333 ngày 05/5/2022 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Thường Xuân, tỉnh Thanh Hóa, chị Tiệp đã nộp đủ án phí.

- *Quyền kháng cáo:* Chị Vi Thị T, anh Vi Văn H được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thường Xuân;

- TAND tỉnh Thanh Hoá;

- Chi cục THADSH. Thường Xuân;

- Đường sự;

- UBND Xuân Chinh;

- Lưu HSVA.

**TM: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thị Tâm

